

Số: /KL-TTra

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin tại Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng

Thực hiện Quyết định số 937/QĐ-TTra ngày 03/12/201 của Chánh thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thanh tra tại Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng, từ ngày 10/12/2019 đến ngày 26/12/2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng, kiểm tra xác minh hồ sơ, xác minh các nội dung theo Kế hoạch tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 07/01/2020 của Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng,

Chánh Thanh tra kết luận như sau:

1. Khái quát chung:

- Trung tâm Kinh doanh VNPT Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Vinaphone Đà Nẵng) là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông - VNPT Vinaphone, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-VNPT-VNP-NS ngày 03/7/2015 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông. Địa chỉ trụ sở chính: số 50 đường Nguyễn Du - phường Thạch Thang - quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3871.888; fax: (0236) 3829.864. Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh Trí.

- Chức năng nhiệm vụ: tổ chức quản lý kinh doanh và điều hành kênh bán hàng, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông, dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ nội dung trên địa bàn TP Đà Nẵng. Chủ quản cung cấp dịch vụ: điện thoại cố định, Gphone, FiberVNN, MegaVNN, MegaWan, Metronet, kênh thuê riêng; phối hợp cung cấp dịch vụ MyTV, chủ quản kinh doanh dịch vụ mạng di động Vina Phone và thẻ trả trước các loại; chủ quản các dịch vụ: chứng thư số VNPT-CA, VnEdu, SMS Brandname, VNPT-His, IVAN, Hóa đơn điện tử, VNPT - Check.

- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và 11 tháng năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Doanh thu		Lợi nhuận (theo phương pháp tính kế toán)
	Thực hiện	% so với KH	Thực hiện

Chỉ tiêu	Doanh thu		Lợi nhuận (theo phương pháp tính kế toán)
Năm 2018	649,207	93.60%	138.277
11 tháng năm 2019	600,926	81.81%	94.828

- Thuê bao trên từng dịch vụ lũy kế đến hết tháng 11/2019:

STT	Dịch vụ	Số thuê bao	STT	Dịch vụ	Số thuê bao
1	IVAN	821	12	VPS	482
2	CA	7,066	13	Cố định	50,557
3	VNPT Pos	259	14	FiberVNN	89,584
4	Hóa đơn điện tử	739	15	Gphone	2,656
5	SMS Brandname	1,251	16	Internet trực tiếp	20
6	1800	213	17	KTD	581
7	Tên miền Việt Nam	2,095	18	MegaVNN	950
8	1900	191	19	MyTV	14,439
9	VNPT Colocation	660	20	Vinaphone (trả sau)	39,053
10	Web hosting	1,072	21	Vinaphone (trả trước)	172,025
11	VNPT Cloud	217	22	EDU	85,893
Cộng					470,824

2. Kết quả kiểm tra, xác minh:

2.1. Việc chấp hành pháp luật về giá cước, khuyến mại dịch vụ:

2.1.1. Việc chấp hành pháp luật về giá cước dịch vụ:

- Trong thời kỳ thanh tra, Vinaphone Đà Nẵng đã áp dụng 10 quyết định giá cước dịch vụ di động trả trước, 11 quyết định giá cước dịch vụ di động trả sau do VNPT Vinaphone ban hành. 13 gói cước kết hợp dịch vụ Internet cáp quang Fiber VNN và dịch vụ truyền hình MyTV do Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng ban hành quyết định theo phân cấp của Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông. Các gói cước ban hành kèm theo 21 quyết định giá cước dịch vụ di động, 13 gói cước kết hợp dịch vụ Internet cáp quang Fiber và dịch vụ truyền hình MyTV được VNPT Vinaphone đăng ký với Cục Viễn thông theo đúng quy định tại Tiết 3.2 Mục II. Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong đó, gói cước dịch vụ di động trả trước Data D5 triển khai trước thời điểm thông báo với Cục Viễn thông 05 ngày (thời điểm áp dụng gói cước là ngày 19/4/2019, thời điểm gửi Thông báo giá cước số 1801/KHCN-QLSP gửi Cục Viễn thông là ngày 24/4/2019), (chi tiết Phụ lục 1).

- Giá cước các dịch vụ công nghệ thông tin đã được Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng đã báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông TP Đà Nẵng khi triển khai các gói cước theo quy định tại Quyết định số 7256/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Giá cước các dịch vụ viễn thông di động, cố định, Internet, công nghệ thông tin được niêm yết tại các điểm giao dịch của Trung tâm và trên website danang.vnpt.vn theo đúng quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 56 Luật Viễn thông năm 2009, quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Giá năm 2012.

- Trung tâm tính và thu cước dịch vụ đúng theo các quyết định giá cước dịch vụ mà VNPT Vinaphone và Trung tâm đã ban hành, báo cáo và niêm yết. Hóa đơn dịch vụ viễn thông được cung cấp cho khách hàng theo đúng quy định tại Điều 32 Luật Viễn thông năm 2009, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn hàng hóa cung ứng dịch vụ.

2.1.2. Việc chấp hành pháp luật về khuyến mại:

a) Khuyến mại dịch vụ viễn thông di động:

Trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/12/2019, Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng đã triển khai 38 chương trình khuyến mại do Tổng Công ty Vinaphone chủ trì tổ chức thực hiện cho thuê bao trả trước. Kết quả kiểm tra cho thấy, 24 Thông báo khuyến mại cho thuê bao trả trước gửi Cục Viễn thông thiếu nội dung khuyến mại “Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365”; 02 Thông báo khuyến mại cho thuê bao trả sau gửi Cục Viễn thông thiếu nội dung “giảm giá 100% máy điện thoại di động, thiết bị USB Vinaphone 3” (chi tiết Phụ lục 2).

b) Khuyến mại dịch vụ Fiber VNN và dịch vụ MYTV:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/12/2019, Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng đã triển khai 23 chương trình khuyến mại cho các thuê bao dịch vụ Fiber VNN và dịch vụ MYTV. Trong đó có 02 chương trình khuyến mại có thời gian thông báo khuyến mại không đủ 03 ngày trước khi tổ chức khuyến mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP, cụ thể:

Số TT	Số và ngày tháng năm văn bản triển khai khuyến mại	Số văn bản đăng ký/ thông báo với cơ quan quản lý	Nội dung vi phạm
1	1197/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 24/08/20018	1185/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 22/8/2018	Thông báo không đủ 03 ngày, thời gian khuyến mại từ ngày 24/8/2019.
2	339/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 20/03/2019	333/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 19/3/2019	Thông báo không đủ 03 ngày, thời gian khuyến mại từ ngày 20/3/2019.

2.2. Việc triển khai giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:

2.2.1. Các văn bản liên quan tới cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số 595/GP-BTTTT ngày 27/11/2017 (Giấy phép hiệu lực đến ngày 15/9/2019).

- Ngày 04/7/2019 Công ty Công nghệ thông tin (VNPT - IT) có Công văn số 1153/VNPT-IT-TTBH kèm hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA gửi Trung tâm chứng thực điện tử Quốc gia (NEAC); ngày 16/8/2019 Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được Công văn số 1471/VNPT-IT-TTBH của VNPT-IT kèm theo hồ sơ đã được hoàn thiện hợp lệ. Ngày 16/9/2019 Trung tâm NEAC có Công văn số 297/NEAC-TĐPC gửi VNPT-IT xác nhận và hồ sơ đang trong quá trình thẩm tra theo quy định đồng thời đề nghị VNPT-CA tiếp tục cung cấp dịch vụ để đảm bảo quyền lợi và không làm gián đoạn cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Như vậy: Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng theo Giấy phép số 595/GP-BTTTT do Bộ TTTT cấp ngày 27/11/2017, thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định về chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số (sau đây gọi tắt là Nghị định số 130/2018/NĐ-CP).

2.2.2. Kiểm tra việc niêm yết quy trình cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:

Tập đoàn VNPT đã xây dựng quy trình nội bộ để cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng, áp dụng chung cho toàn bộ chi nhánh VNPT các tỉnh, thành phố, cụ thể:

- Quy trình nội bộ cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT ban hành theo Quyết định số 290/QĐ-VNPT-CLG ngày 15/3/2019 của Tập đoàn VNPT.

- Quy trình cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử VNPT-CA, mCA-MAIL cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 1858/QĐ-VNPT VNP-KHDN của Tập đoàn VNPT.

- Quy trình cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử VNPT-CA được niêm yết trên website <https://vnpt-ca.vn>.

Như vậy: Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng niêm yết đầy đủ, công khai quy trình cung cấp dịch vụ đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

2.2.3. Kiểm tra hồ sơ cung cấp chữ ký số công cộng:

Từ 01/01/2018 đến 30/11/2019, Trung tâm đã ký hợp đồng với 7.066 khách hàng. Kiểm tra 13 hồ sơ của khách hàng đã được Trung tâm kinh doanh

VNPT Đà Nẵng đã cấp chứng thư số, có 03 hồ sơ không có Đơn cấp chứng thư số theo mẫu, cụ thể:

- Chi nhánh Công ty TNHH La Phan tại Quảng Nam, địa chỉ: 60 Nguyễn Lâm, P.Thọ Quang, TP.Đà Nẵng. Hồ sơ gồm: Hợp đồng số 201911-241/TTKD DNG-PBHTK/HĐ VNPT-CA, VNPT-BHXXH ngày 25/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Bản photo CMND của người đại diện theo pháp luật (không có chứng thực).

- Công ty TNHH Long An GWFNV, địa chỉ Lô A25-1, Lô A25-2 và Lô A26, Đường Ngang 1, KCN Phú An Thạnh - Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An có số chứng thư số: 5401f50ee175adf556464d8c3dc80a48. Hồ sơ gồm: Giấy đề nghị gia hạn chứng thư số VNPT-CA ngày 21/6/2018, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thẻ tạm trú của ông Shin YunkYung người Hàn Quốc đại diện.

- Công ty TNHH xây dựng và TM Kim Thịnh Phát, địa chỉ: 163 Lâm Nhĩ, P.Hòa An, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng. Hồ sơ gồm: Hợp đồng số 201911-255/TTKD DNG-PBHTK/HĐ VNPT-CA, VNPT-BHXXH ngày 05/11/2019; Giấy chứng nhận ĐKDN; Bản sao CMND (không có chứng thực).

Như vậy: 03 hồ sơ cấp chứng thư số của thuê bao không có Đơn cấp chứng thư số, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2.3. Việc chấp hành pháp luật về chất lượng dịch vụ, hàng hóa viễn thông, Internet, truyền hình, chứng thực chữ ký số công cộng:

Trong thời kỳ thanh tra, việc đảm bảo về chất lượng hàng hóa, dịch vụ do VNPT Đà Nẵng thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Công ty VNPT Media, Tổng Công ty VNPT NET. Trung tâm Kinh doanh VNPT Đà Nẵng chỉ thực hiện kinh doanh, bán hàng.

2.4. Việc gắn nhãn hàng hóa viễn thông, Internet, truyền hình, chứng thực chữ ký số công cộng:

Từ năm 2018 đến thời điểm thanh tra, Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng cung cấp cho khách hàng các chủng loại thiết bị: Router Toto Link, Thiết bị thu phát sóng vô tuyến Totolink, Thiết bị thu phát sóng vô tuyến HIMEDIA, Settopbox, Điện thoại di động, Modem wifi, Thiết bị thu phát sóng chuyên dùng, Token VNPT-CA. Kết quả kiểm tra việc thực hiện gắn nhãn hàng hóa đối với thiết bị trong kho của Trung tâm kinh doanh VNPT-Đà Nẵng như sau:

- Thiết bị Token: thông tin thiết bị ghi trên vỏ hộp gồm có tên, địa chỉ đơn vị cung cấp, địa chỉ website, số điện thoại hỗ trợ, thông tin hướng dẫn sử dụng.

- Thiết bị Set top box (STB Android SmartBox 2 1 Micro SD): thông tin trên vỏ hộp Set Top Box gồm có tên sản phẩm, tên, địa chỉ đơn vị cung cấp, dấu hợp quy, nguồn gốc sản phẩm, năm sản xuất, điện thoại hỗ trợ.

- Thiết bị giám sát hành trình VNETGPS (modem TG102SE): thông tin trên thiết bị gồm tên, địa chỉ, điện thoại, website nhà cung cấp.

- Thiết bị ToTo Link: Bộ định tuyến (có 02 loại: ToTo Link N100 và ToTo Link EX200), thông tin trên thiết bị, vỏ hộp gồm có tên thiết bị, thông tin tổng quát, chủng loại, model, website, xuất xứ (Hàn Quốc) được viết bằng tiếng nước ngoài (Tiếng Anh). Ngoài ra, trên vỏ hộp có nhãn phụ ghi các thông tin của thiết bị bằng tiếng Việt Nam; thiết bị có gắn dấu hợp quy.

- Thiết bị phát sóng Wifi 4G-LTE MF180 và Wifi 4G LTE M2100 có thông tin trên vỏ hộp thiết bị gồm tên thiết bị, thông tin tổng quát, chủng loại, model, website, xuất xứ (Trung Quốc) được ghi bằng tiếng nước ngoài (Tiếng Anh). Trên vỏ hộp thiết bị có gắn nhãn phụ ghi đầy đủ các thông tin về thiết bị bằng tiếng Việt Nam, đơn vị nhập khẩu, nhà sản xuất, hướng dẫn sử dụng, vỏ hộp có gắn dấu hợp quy.

- 03 loại điện thoại (iTel A16, Masstel izi250 và Nokia 110 Dual SIM) có thông tin trên vỏ hộp gồm: tên thiết bị, thông tin tổng quát, chủng loại, model, website, xuất xứ, được ghi bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh). Trên vỏ hộp thiết bị có gắn nhãn phụ ghi đầy đủ các thông tin về thiết bị bằng Tiếng Việt, vỏ hộp có gắn dấu hợp quy.

Như vậy:

- 06 chủng loại thiết bị kiểm tra (Token VNPT CA, Set top box, Thiết bị giám sát hành trình VNETGPS, Thiết bị ToTo Link, Thiết bị phát sóng Wifi 4G-LTE, điện thoại được gắn nhãn đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.

- 05 chủng loại thiết bị (Set top box, thiết bị giám sát hành trình VNETGPS, thiết bị ToTo Link, thiết bị phát sóng Wifi 4G-LTE, điện thoại) bắt buộc phải công bố hợp quy, gắn dấu hợp quy. Các chủng loại thiết bị trên được công bố hợp quy và gắn dấu hợp quy đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ TT&TT quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông được sửa đổi tại Điều 1 Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ TT&TT về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011.

2.6. Việc chấp hành chế độ báo cáo:

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng đã thực hiện báo cáo đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-

BTTTT ngày 29/6/2018 về quy định chế độ báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông và Quyết định số 7256/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh và các báo cáo chuyên ngành đột xuất khác theo yêu cầu của UBND thành phố và Sở TT&TT.

3. Kết luận:

3.1. Ưu điểm của Trung tâm kinh doanh - VNPT Đà Nẵng:

- Nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định số 937/QĐ-TTra ngày 03/12/2019 của Chánh thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đăng ký, thông báo giá cước dịch vụ viễn thông với Cục Viễn thông đúng quy định. Niêm yết, thu cước dịch vụ viễn thông đúng quy định.

- Gắn nhãn hàng hóa viễn thông, Internet, truyền hình, chứng thực chữ ký số công cộng trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh, cung cấp thiết bị cho khách hàng đúng theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành pháp luật về chất lượng dịch vụ, hàng hóa viễn thông, Internet, truyền hình, chứng thực chữ ký số công cộng đúng theo quy định của pháp luật.

- Công bố hợp quy và gắn dấu hợp quy đầy đủ đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc “Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy” phải được công bố hợp quy và gắn dấu hợp quy.”

- Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ báo cáo.

3.2. Tồn tại của Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng:

- Hồ sơ cấp chứng thư số của thuê bao không có Đơn cấp chứng thư số, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Thông báo hoạt động khuyến mại dịch vụ Fiber VNN và dịch vụ MyTV đến Sở Công Thương không đủ 03 ngày trước khi thực hiện khuyến mại, chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

3.3. Tồn tại của Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông:

Thông báo giá cước dịch vụ di động trả trước (gói Data D5) chậm (áp dụng gói cước Data D5 từ ngày 19/4/2018, gửi Thông báo giá cước số 1801/KHCN-QLSP đến Cục Viễn thông ngày 24/4/2019).

4. Các biện pháp xử lý:

4.1. Yêu cầu Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng:

- Nghiêm túc rút kinh nghiệm, chỉ thực hiện việc cấp chứng thư số cho khách hàng khi khách hàng cung cấp đầy đủ Hồ sơ cấp chứng thư số đúng quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Thông báo khuyến mại dịch vụ viễn thông đảm bảo đúng thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

4.2. Yêu cầu Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông:

Thông báo giá dịch vụ viễn thông đúng thời gian theo quy định khi triển khai các gói cước dịch vụ viễn thông mới.

5. Đề nghị Cục Viễn thông:

Hình thức khuyến mại thời gian sử dụng thẻ viễn thông là hình thức khuyến mại mới, chưa được điều chỉnh tại Thông tư số 11/2010/TT-BTTTT ngày 14/5/2010 quy định hoạt động khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động và Thông tư số 47/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 quy định hạn mức khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động mặt đất. Đề nghị Cục Viễn thông xem xét tham mưu quản lý đối với hình thức khuyến mại mới này.

6. Giao Phòng Thanh tra Viễn thông và Công nghệ thông tin và Phòng Tổng hợp - Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông: Giám sát việc thực hiện Kết luận thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra, Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng nghiêm túc thực hiện./.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Hồng Hải (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn (để b/c);
- Cục Viễn thông;
- Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (để th/h);
- Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng (để th/h);
- Trung tâm Thông tin (đăng tin);
- Lưu: TTra, HSTT.

Đỗ Hữu Trí

Phụ lục 1. Danh sách các quyết định giá cước dịch vụ viễn thông, Internet, công nghệ thông tin Trung tâm kinh doanh VNPT Đà Nẵng ban hành, áp dụng trong thời kỳ thanh tra.

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
I	Di động VinaPhone trả trước			
1	VNP trả trước	655/KHCN-QLSP ngày 08/02/2018 về việc ban hành bảng cước sản phẩm dịch vụ trọng tâm năm 2018	480/VNPT VNP-KHCN ngày 30/01/2018 7528/VNPT VNP - KHCN ngày 26/12/2017	Từ ngày 7/2/2018 đến khi có thông báo mới
2	VNP trả trước	165/KHCN-QLSP ngày 10/01/2018 về việc Triển khai gói cước Alo29/Alo35/VD89 cho TB HMM	7528/VNPT VNP-KHCN ngày 27/12/2017	Từ 01/01/2018 cho đến khi có thông báo mới
3	VNP trả trước	523/KHCN-QLSP ngày 31/1/2018 về việc Triển khai gói cước cho dịch vụ Zalo	247/VNPT VNP-KHCN ngày 16/01/2018; 38/QĐ-VNPT VNP-KHCN ngày 16/01/2018	Từ 00h ngày 1/2/2018 cho đến khi có thông báo mới của Ban KHCN
4	VNP trả trước	1248/KHCN-QLDVGT ngày 23/3/2018 về việc thông báo bổ sung gói Alo Me kết nối dịch vụ Alo Me	5715/KHCN-MKT ngày 19/10/2016 về việc thông báo triển khai dịch vụ Alo me trên mạng VinaPhone	Từ 00h00 ngày 23/3/2018
5	VNP trả trước	1444/KHCN-QLSP ngày 3/4/2018 về việc thông báo triển khai các gói cước thời hạn sử dụng 7-15 ngày	480/VNPT VNP - KHCN ngày 30/01/2018; 7528/VNPT VNP - KHCN ngày 26/12/2017; 5335/VNPT VNP - KHCN ngày 02/11/2018	Từ ngày 3/4/2018
6	VNP trả trước	1801/KHCN-QLSP ngày 19/4/2018 về việc Triển khai gói data ngày D5	1488/VNPT VNP-KHCN ngày 24/4/2019 (thông	Từ ngày 19/4/2018

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
			báo chậm so với triển khai)	
7	VNP trả trước	2600/KHCN-QLSP ngày 8/6/2018 về việc triển khai gói cước WordCup cho thuê bao CVQT của VinaPhone	2331/VNPT VNP-KHCN ngày 29/5/2018	Từ ngày 10/6/2018 đến ngày 25/7/2018
8	VNP trả trước	2751/KHCN-QLSP ngày 18/6/2018 về việc triển khai các gói cước mới cho dịch vụ Data 3G/4G	2618/VNPT VNP-KHCN ngày 13/6/2018	Từ ngày 18/6/2018
9	VNP trả trước	4833/KHCN-QLSP ngày 16/11/2018 về chính sách sản phẩm đối với thuê bao chuyển mạng giữ số MNP	5267/VNPT VNP-KHCN ngày 30/10/2018	Từ ngày 16/11/2018 cho đến khi có thông báo mới
10	VNP trả trước	1472/KHCN-QLSP ngày 25/4/2019 về việc triển khai gói data 3 ngày	1488/VNPT VNP-KHCN ngày 24/4/2019	Từ ngày 26/4/2019
II	Di động VinaPhone trả sau			
1	VNP trả sau	4072/KHDN-QLSP ngày 27/12/2017 của Ban KHTCDN v/v triển khai chính sách phát triển thuê bao di động trả sau năm 2018 cho KHDN	7475/VNPT VNP-KHCN ngày 25/12/2017	Từ ngày 01/01/2018 - 31/12/2018 hoặc có thông báo mới
2	VNP trả sau	236/KHCN-QLSP ngày 15/01/2018 của Ban KHCN v/v triển khai cung cấp gói cước cho TB trả sau đang hoạt động	7475/VNPT VNP-KHCN ngày 25/12/2017	Từ ngày 17/01/2018 đến khi có thông báo mới
3	VNP trả sau	3598/KHCN-QLSP ngày 17/08/2018 của Ban KHCN v/v điều chỉnh chính sách gói cước Iphone	06/VNPT VNP-KHCN ngày 01/7/2015	Từ ngày 20/08/2018 đến khi có thông báo mới

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
4	VNP trả sau	3500/KHCN-QLSP ngày 09/08/2018 của Ban KHCN v/v điều chỉnh chính sách gói cước mua thêm Voice ngoại mạng và SMS15	7009/VNPT VNP - KHCN Ngày 16/11/2016	Từ ngày 24/08/2018 đến khi có thông báo mới
5	VNP trả sau	3653/KHDN-QLSP ngày 28/09/2018 của Ban KHTCDN v/v triển khai chính sách cấp IP tĩnh cho thuê bao di động VNP trả sau	4983/VNPT VNP KHDN ngày 16 tháng 10 năm 2018	Từ ngày 20/10/2018 đến khi có thông báo mới
6	VNP trả sau	4662/KHCN-QLSP ngày 02/11/2018 của Ban KHCN v/v điều chỉnh chính sách gói cước Data roaming	4554/VNPT VNP-KHCN ngày 27/07/2017, 6844A/VNPT VNP-KHCN ngày 23/11/2017	Từ ngày 05/11/2018 đến khi có thông báo mới
7	VNP trả sau	4368/KHDN-QLSP ngày 14/11/2018 của Ban KHTCDN v/v chính sách sản phẩm đối với TB MNP	5267/TB-VNPT VNP - KHCN ngày 30/10/2018, 5677/VNPT VNP-KHCN ngày 22/11/2018, 5756/VNPT VNP-KHCN ngày 27/11/2018, 1467/QĐ-VNPT VNP-KHCN,7475/VNPT VNP-KHCN ngày 25/12/2017, 1717/KHCN-QLSP ngày 30/11/2015	Từ ngày 16/11/2018 đến khi có thông báo mới
8	VNP trả sau	4833/KHCN-QLSP ngày 16/11/2018 của Ban KHCN v/v chính sách sản phẩm đối với TB MNP	5267/TB-VNPT VNP - KHCN ngày 30/10/2018, 5677/VNPT VNP-KHCN ngày 22/11/2018,	Từ ngày 16/11/2018 đến khi có thông báo mới

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
			5756/VNPT VNP-KHCN ngày 27/11/2018, 1467/QĐ-VNPT VNP-KHCN,7475/VNPT VNP-KHCN ngày 25/12/2017	
9	VNP trả sau	4921/KHCN-QLSP ngày 26/11/2018 của Ban KHCN v/v triển khai gói cước ECO trả sau	5756/VNPT VNP-KHCN ngày 27/11/2018	Từ ngày 28/11/2018 đến khi có thông báo mới
10	VNP trả sau	5119/KHDN-QLSP ngày 28/12/2018 của Ban KHDN v/v thông báo chính sách PTTB di động trả sau năm 2019	5267/TB-VNPT VNP - KHCN ngày 30/10/2018, 5677/VNPT VNP-KHCN ngày 22/11/2018, 5756/VNPT VNP-KHCN ngày 27/11/2018, 1467/QĐ-VNPT VNP-KHCN,7475/VNPT VNP-KHCN ngày 25/12/2017, 1717/KHCN-QLSP ngày 30/11/2015	Từ ngày 01/01/2019 đến khi có thông báo mới
11	VNP trả sau	2855/KHCN-QLSP ngày 27/08/2019 của Ban KHCN v/v điều chỉnh chính sách Data gói cước HEY90/125/145195	5677/VNPT VNP-KHCN ngày 22/11/2018	Từ ngày 01/09/2019 đến khi có thông báo mới
III	FIBERVNN + MYTV			
1		606/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 20/4/2018	607/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 20/4/2018	Từ ngày 10/5/2018
2		556/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 24/4/2019	557/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày	Từ ngày 10/5/2018

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
			24/4/2019	
3		660/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 28/5/2019	661/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 28/5/2019	Từ ngày 1/6/2019
4		849/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 25/6/2018	850/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 26/6/2018	Từ ngày 25/06/2018
5		1032/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 31/7/2019	1137/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 23/8/2019	Từ ngày 1/8/2019
6		97/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 16/1/2019	98/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 17/1/2019	Từ ngày 1/2/2019
7		660/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 28/5/2019	661/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 28/5/2019	Từ ngày 1/6/2019
8		771/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 17/6/2019	771/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 18/6/2019	Từ ngày 17/06/2019
9		844/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 01/7/2019	846/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 01/7/2019	Từ ngày 1/7/2019
10		919/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 17/7/2019	920/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 17/7/2019	Từ ngày 17/07/2019
11		1408/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 15/10/2019	1410/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 16/10/2019	Từ ngày 16/10/2019
12		1469/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 22/10/2019	1470/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 23/10/2019	Từ ngày 1/11/2019
13		1660/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 11/11/2019	1661/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 11/11/2019	Từ ngày 11/11/2019
IV	Dịch vụ CNTT			
1	VNPT-CA	597/TTKD ĐNG-ĐHNV -746		Từ ngày 10/5/2018

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
2	VNPT CA+ IVAN	598/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 10/5/2018
3	Ivan	1984/TTKD ĐNG- KHKD		Từ ngày 18/11/2015
4	Hóa đơn điện tử	1828/TTKD ĐNG- ĐHNV		Từ ngày 6/10/2016
5	1800	670/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 17/05/2017
6	1900	670/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 17/05/2017
7	VNPT Check	500/QĐ-VNPT VNP- CNTT&PTDV		Từ ngày 23/05/2017
8	VnEdu	944/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 19/07/2017
		1070/TTKD ĐNG- ĐHNV-KHKT		Từ ngày 1/8/2018
9	VNPT Smart Ads	502/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 16/04/2018
10	SMS Brandna me	1040/TTKD ĐNG- ĐHNV		Từ ngày 15/07/2017
		559/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/5/2018
		1354/TTKD ĐNG- ĐHNV		Từ ngày 1/10/2018
11	SSL Certifica te	2148/TTKD ĐNG- ĐHNV		Từ ngày 28/08/2017
12	VNPT DMS	1608/QĐ-KHDN-QLSP		Từ ngày 1/11/2017
		3283/KHDN-QLSP		Từ ngày 1/11/2017
13	Mail Server Riêng	486/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 11/4/2017
		723/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/6/2017
14	VN	1878/TTKD ĐNG-		Từ ngày

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
	Tracking	ĐHNV		17/10/2016
		487/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/4/2018
15	Dedicated Server	39/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/12/2016
16	VPOINT	550/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 25/04/2018
17	Karo	1316/QĐ-VNPT VNP-NCTT&PTDV		Từ ngày 17/11/2017
		684/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 23/05/2018
18	VNPT POS	449/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 5/4/2018
19	Colocation	444/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/4/2016
		1648/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/12/2018
20	VNPT Cloud	444/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/4/2016
		1646/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/12/2018
21	VNPT Smart Cloud	1676/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/12/2018
22	VPS	444/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/4/2016
23	Web Hosting	2107/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 15/11/2017
24	VCC	615/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/5/2018
25	Ioffice	635/QĐ-TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/5/2018
26	VNPT Portal	874/QĐ-VNPT-KD		Từ ngày 1/7/2015
27	Tên Miền	486/TTKD ĐNG-ĐHNV		Từ ngày 1/1/2017
28	Mail	1984/TTKD ĐNG-		Từ ngày

Số TT	Dịch vụ	Số văn bản cước	Số văn bản đăng ký/ thông báo với Cục Viễn thông	Thời kỳ áp dụng
	Hosting	KHKD		18/11/2015
	Dịch vụ kênh thuê riêng nội hạt			
1		8021/VNPT VNP-KHDN	4384/VNPT VNP-KHDN	Từ ngày 29/12/2016
	Dịch vụ kênh thuê riêng đường dài trong nước			
1		8021/VNPT VNP-KHDN	4384/VNPT VNP-KHDN	Từ ngày 29/12/2016
1	Dịch vụ kênh thuê riêng quốc tế			
		8021/VNPT VNP-KHDN	4384/VNPT VNP-KHDN	Từ ngày 29/12/2016

Phụ lục 2. Danh sách 26 chương trình khuyến mại có nội dung khuyến mại không thông báo khuyến mại với Cục Viễn thông.

Số TT	Số và ngày tháng năm văn bản triển khai khuyến mại	Số văn bản đăng ký/ thông báo với cơ quan quản lý	Nội dung không thông báo khuyến mại
1	312/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 18/01/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone là khách hàng thông thường nạp thẻ trong ngày Vàng 24/01/2018	7438/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 22/12/2017	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
2	412/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 24/01/2018 V.v tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone là khách hàng thường xuyên nạp thẻ trong ngày Vàng 31/01/2018	7438/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 22/12/2017	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
3	632/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 07/02/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone là khách hàng thường xuyên nạp thẻ trong ngày Vàng 12,13,14/02/2018	543A/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 29/1/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
4	937/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 5/3/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 07/03/2018	783/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 21/2/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
5	1487/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 5/4/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 10/4/2018	1252/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 20/3/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
6	1931/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 27/4/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 8/5/2018	1754A/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 18/4/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365

Số TT	Số và ngày tháng năm văn bản triển khai khuyến mại	Số văn bản đăng ký/ thông báo với cơ quan quản lý	Nội dung không thông báo khuyến mại
7	2664/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 13/6/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 19/6/2018	2298/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 22/5/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
8	2492/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 4/6/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 8/6/2018	2298/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 22/5/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
9	3032/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 4/7/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 10/7/2018	2854A/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 25/6/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
10	3134/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 11/7/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 17/7/2018	2854A/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 25/6/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
11	3448/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 6/8/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 15/8/2018	3426/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 25/7/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
12	3595/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 17/8/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng 24/8/2018	3426/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 25/7/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
13	3977/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 12/9/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp	4211/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 5/9/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao

Số TT	Số và ngày tháng năm văn bản triển khai khuyến mại	Số văn bản đăng ký/ thông báo với cơ quan quản lý	Nội dung không thông báo khuyến mại
	thẻ trong ngày Vàng 19/09/2018		VinaCard, Vina365
14	4194/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 28/9/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 10/2018	4438/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 19/9/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
15	4648/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 2/11/2018 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 11/2018	5021/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 18/10/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
16	12/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 2/1/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 01/2019	6335/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 27/12/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
17	488/ QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 25/1/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 02/2019	6335/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 27/12/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
18	728/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 25/2/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 03/2019	6335/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 27/12/2018	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
19	1180/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 2/4/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 04/2019	951/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 21/3/2019	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365

Số TT	Số và ngày tháng năm văn bản triển khai khuyến mại	Số văn bản đăng ký/ thông báo với cơ quan quản lý	Nội dung không thông báo khuyến mại
20	1489/QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 26/4/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 05/2019	951/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 21/3/2019	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
21	2019/ QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 11/6/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 06/2019	2541/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 14/6/2019; 2374/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 6/6/2019	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
22	2277/ QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 28/6/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 07/2019	2543/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 14/6/2019	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
23	2535/ QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 26/7/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 08/2019	2543/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 14/6/2019	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
24	3208/ QĐ-KHCN-ĐHBH ngày 4/10/2019 về việc tổ chức đợt khuyến mại toàn quốc cho các thuê bao trả trước VinaPhone nạp thẻ trong ngày Vàng tháng 10/2019	4759/TB-VNPT VNP-KHCN ngày 3/10/2019	Tặng thêm 100% ngày sử dụng của thẻ cho thuê bao VinaCard, Vina365
25	39/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 11/01/2018	61/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 10/1/2018	Giảm giá 100% máy điện thoại di động, thiết bị USB Vinaphone 3G phát wifi
26	1369/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 04/10/2018	1350/TTKD ĐNG-ĐHNV ngày 2/10/2018	Giảm giá 100% máy điện thoại di động, thiết bị USB Vinaphone 3G phát wifi

